



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn² Hải² Đức²
Last Middle First

Current Address 220/1/4 Hoàng Văn Thụ - P.4 Tân Bình HCM

Date of Birth 04-22-29 Place of Birth Ninh Bình

Previous Occupation before 1975 St Colonel

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1975 To 04-28-78

3. SPONSOR'S NAME: FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSN
PO BOX 5435 Name
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

9/87

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Hữu An
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần Thị Dung	1937	Wife
Nguyễn Ngọc Dũng	1960	Son
Nguyễn Thị Thu Hương	1962	Daughter
Nguyễn Thanh Quang	1964	Son
Nguyễn Quang Minh	1966	Son
Nguyễn Anh Tuấn	1970	Son
Nguyễn Thị Thu Hà	1971	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date : JULY 17th 1982

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name : NGUYEN - HUU - DUC²
2. Other names : NONE
3. Date/Place of birth : 22 - 04 - 1929 NINH BINH VIETNAM
4. Residence address : 220/1/4 HOANG VAN THU HOCHIMINH CITY VIETNAM
5. Mailing address : - ID -

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Name	date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
TRẦN THỊ DUNG	1957	NAM DINH	F	M	SPOUSE
NGUYỄN NGỌC DUNG	1962	SÀI GON	M	S	SON
NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	1962	SÀI GON	F	S	DAUGHTER
NGUYỄN TH. ANH QUANG	1964	SÀI GON	M	S	SON
NGUYỄN QUANG MINH	1966	SÀI GON	M	S	SON
NGUYỄN ANH TUẤN	1970	SÀI GON	M	S	SON
NGUYỄN THỊ THU H. T.	1971	SÀI GON	F	S	DAUGHTER

C. RELATIVES OUT SIDE VIETNAM :

1. Closest relative in the USA : NONE
 - a/ Name:
 - b/ Relationship:
 - c/ Address:
2. Closest relative in other Foreign countries :
 - a/ Name:
 - b/ Relationship:
 - c/ Address:

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Death)

- Name:
- Address:
1. Father: NGUYỄN TH. L. H. (DEATH) NINH BINH VIETNAM
 2. Mother: Đ. TH. HIEN (DEATH) NINH BINH VIETNAM
 3. Spouse: TRẦN THỊ DUNG (LIVING) 220/1/4 HOANG VAN THU TB VN
 4. Former spouse [if any]

5. Children :

NGUYỄN NGỌC DUNG	220/1/4 HOANG VAN THU TB HOCHIMINH CITY VN
NGUYỄN TH. THU HƯƠNG	- ID -
NGUYỄN TH. ANH QUANG	- ID -
NGUYỄN QUANG MINH	- ID -
NGUYỄN ANH TUẤN	- ID -
NGUYỄN TH. THU H. T.	- ID -

6. Siblings:

.....

.....

.....

.....

.....

SAIGON, JULY 17th 1987

APPLICATION FOR IMMIGRATION TO USA

TO THE GENERAL CONSUL OF THE USA EMBASSY IN BANGKOK THAILAND

My name: NGUYỄN HỮU DŨC

Former Rank : Lieutenant Colonel / Viet Nam Air Force

Serial number : 49/600115

Time in concentration camp : 02 years 10 months 12 days

Mailing address : NGUYỄN HỮU DŨC

220/1/4 Hoàng v'n Thy . Phường 04, TB

Rechiminh city . VIETNAM

Once more , may I have the honor to submit you this new petition about my immigration to USA , since my former petition dated 1981, 1983 , 1986 are not answered.

Actually I must live in a desperate situation both economically and spiritually, although I have been released from concentration camp since April 1978 . My children could not have favorable opportunity for working and living.

In waiting to have your favor , I present you all my thanks .

Relative to accompany me :

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
1. TRẦN THỊ DUNG	1937	Namdingh	F	M	Spouse
2. NGUYỄN NGỌC DŨNG	1960	Sai gon	M	S	Son
3. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	1962	"	F	S	Daughter
4. NGUYỄN THANH QUANG	1964	"	M	S	Son
5. NGUYỄN QUANG MINH	1966	"	M	S	Son
6. NGUYỄN ANH TUẤN	1970	"	M	S	Son
7. NGUYỄN THỊ THU HÀ	1971	"	F	S	Daughter

.....

Respectfully yours

Date : July 17th 1987

Duc
NGUYỄN HỮU DŨC

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of Person employed 2..... NONE.....
2. Date : From: To :
 - 1/.....
 - 2/.....
 - 3/.....
 - 4/.....
3. Title of (last) Positions held
 - 1/.....
 - 2/.....
 - 3/.....
 - 4/.....
4. Agency/company/Office :
 - 1/.....
 - 2/.....
 - 3/.....
 - 4/.....
5. Name of (Last) Supervisor :
 - 1/.....
 - 2/.....
 - 3/.....
 - 4/.....
6. Reason for leaving:
 - 1/.....
 - 2/.....
 - 3/.....
7. Training for job in Vietnam:
.....

F. ~~REVIEW~~ SERVICE WITH G.V.N OR R.V.N.A.F BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving:.. NGUYEN HUU DUC.....
2. Date: From :.. 1954..... To :.. 1975.....
3. Last rank :.. LIEUTENANT COLONEL
4. Ministry / Office / Military Unit :.. VN AIR FORCE HEADQUARTERS / C.E. OFFICE
5. Name of Supervisor / C.O :.. GENERAL DANG BINH LINH.....
6. Reason for leaving :.. NOT ASSOCIATED WITH LOCAL SITUATION
7. Name of American Adviser (3) :.. LT. COLONEL KALITA... MAJOR SANTOS/USAF
8. US training courses in Vietnam:.. LOGISTICS MANAGEMENT SEMINARY
..... TAN SON NHAT AIR BASE.....
9. US Awards of certificates :.. NONE.....

(CERTIFICATE LOST DURING 1975 EVENT)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOUR SPOUSE :

01. Name of student / Trainer : NGUYEN HUU DUC.....
02. School and school address : NAMA AIR BASE OKINAWA.....
.....
03. Date : From : OCTOBER 1968 To : DECEMBER 1968.....
04. Description of courses : STAFF CIVIL ENGINEERING.....
(CERTIFICATE LOST DURING THE 1975 EVENT).....
05. Who paid for training : US AID PICES.....
.....

H. REEDUCATION OF YOUR SPOUSE

01. Name of person in Reeducation : NGUYEN HUU DUC.....
02. Total time in Reeducation : 01 Years 10 Months 12 Days.....
03. Still in Reeducation : Yes?..... NO : X.....

I. ANY ADDITIONAL REMARKS

REQUEST TO BE IMMIGRATED TO USA IN ORDER TO HAVE
A BETTER SPIRITUAL LIVING CONDITION.....
.....
.....
.....

Signature:

Duc
NGUYEN HUU DUC

Date: July 12th 1978

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTr ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTr ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hành quyết định số 222/QĐ ngày 14-4-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN BÌNH 1243-15

Ngày, tháng, năm sinh: 1939

Quê quán: Tân Bình

Trú quán: 220/1/4 Hoàng Văn Thụ, Tân Bình, TP-HCM

Nơi cho về: 220/1/4 Hoàng Văn Thụ, Tân Bình, TP-HCM

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 600.115 - Trung tá, Trưởng khu quân sự tạo tác Tân Sơn Nhất.

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: Tân Bình thuộc Huyện,

Quận: Tân Bình Tỉnh, Thành phố: TP-HCM

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân, Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: trong hai tháng

- Thời hạn đi đường: ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

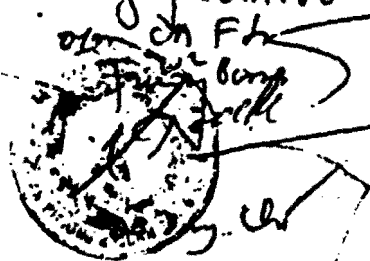
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

Năm 1978

QUAN 700.

NGUYỄN VĂN BÌNH

Đã hình diễn ngày 25.4.78



Kính gửi...
Đã hình diễn ngày 15.5.78



galt 07/78

01/07/78

Số: 49/ĐP/27/4/78
Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh
Huyện Tân Bình

ngày 27/4/78

T/L Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh
phía Đ. 1/2



7/11/78

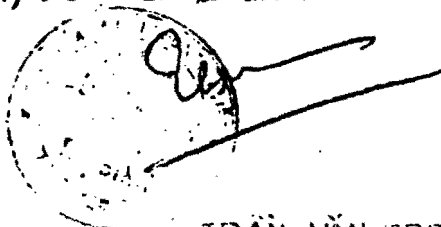
Trần Văn Trọng

Trưng Nhân 16' 116/er

Anta Nguyễn Hữu Đức có đến
bình dân tại Ủy ban Quận.

Huân Quận Tân Bình ngày 27/4/78

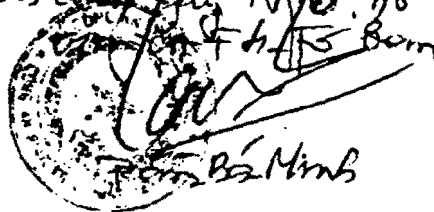
TM/Ủy ban Quận Huân



Đã hình diễn ngày 15.5.78



Đã hình diễn ngày 17/6.78
Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh
Huyện Tân Bình



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Lục sao y bản chính để lại phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Saigon

BỘ TƯ-PHÁP

Số _____ / 19 59

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Ngày 7 tháng 1 năm 19 59

TÒA HÒA-GIẢI ĐO-THÀNH
SAIGON

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH ~~CHO~~

Năm một ngàn chín trăm năm mươi chín ngày 7 tháng 1, hồi 10 giờ.

Trước mặt chúng tôi là **NGUYỄN VĂN LOANH**, Thẩm-phán Tòa Hòa-Giải
Đo-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có lục-sự
phụ tá



ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1. — **NGUYỄN VĂN SANG**
2. — **PHẠM VĂN KAN tức KHAN**
3. — **PHẠM BÁT T**

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả quyết biết chắc

Ô-NGUYỄN HUU LUC

sinh ngày 22-4-1929 tại Yên Mỹ Thương, Ninh-bình

con của Ô-NGUYỄN THAP HY và bà ĐOI THI HIEM (chết cả)

Và duyên-cớ mà khai-sanh được là vì **su giao thông gian dối**

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân-chứng đã xác-nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử dụng theo luật, cđ theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình luật cạnh cải, phạt tội ngụy-chứng và việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 50 đến 2.000 quan đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-dân nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi ở văn-phòng này sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :



Lục sao y.

tháng 1 năm 19 59

Lục-Sự.

GIẤY NÀY BẮC

TỈNH-GIA-ĐÌNH

ĐƠN TRÍCH LỤC

ĐỘ-HÔN-THỦ (Bậc _____)

Năm 1966

Số hiệu 174

Người chồng : (Tên họ)	NGUYỄN - HỮU - ĐỨC
Sinh tại :	Yên - Mô - Thượng (Ninh Bình)
Sinh ngày :	Ngày 22 tháng 4 năm 1929
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn - thấp - Hy (chết)
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Đới - thị - IMôn (chết)
Người vợ : (Tên họ)	TRẦN - THỊ - DUNG
(chánh hay vợ thứ)	Vợ chánh
Sinh tại :	Văn - Xá Nam Định
Sinh ngày :	Ngày 10 tháng 10 năm 1937
Cha vợ : (sống chết phải nói)	Trần - văn - Hàm (chết)
Mẹ vợ : (sống chết phải nói)	Ng văn - thị - Kính (sống)
Ngày cưới :	Ngày 17 tháng 8 năm 1966
Vợ chồng có khai nhận con tự sinh làm con chánh thức không ? Họ, tên, tuổi, ngày sinh, nơi sinh, của mỗi con tự sinh nhận là con chánh thức.	
- Nguyễn Ngọc Dung, nam, sinh ngày 12/1960 tại xã Phú nhuận Gia đình. - Nguyễn thị Thu Hương, nữ, sinh ngày 25-5-1962 tại Bình hòa xã Gia đình. - Nguyễn Thanh Quang, nam, sinh ngày 6-1964 tại xã Phú - nhuận Gia đình. - Nguyễn - Quang - Minh, nam, sinh ngày 9-2-1966 tại Bình hòa xã Gia đình.	

Quyết định cho phép kết hôn số 1080/QĐ/NSV Sài Gòn ngày 8-7-66.

Kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã BÌNH-HOÀ

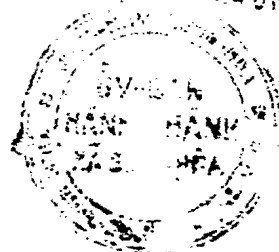
Cố-Vấn, ngày 30 tháng 8 năm 1966

CÁN-TRƯỞNG.

BÌNH-HOÀ, ngày 30 tháng 8 năm 1966

KIỂM-TRẠCH-ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

NGUYỄN-VĂN-ĐY



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PhÁP

SỞ TƯ-PhÁP NAM-PHẦN

TOÀ HOÀ-GIẢI ĐO-THÀNH
SAIGON

Lục-sao y bản chánh đề tại phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon.

Số 10.643

Ngày 16 tháng 11 năm 1962

Y/5

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

TRAN THI DUNG

Năm một ngàn chín trăm 62 ngày 16 tháng 11 giờ 7 giờ 30.

Trước mặt chúng tôi là HA NHU VINH Chánh-án Toà Hoà-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 15, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có lục-sự
ĐANG TRAN ANH phụ-lá



ĐÃ TRÌNH DIỆN:

- 1.- Bà NGUYEN THI QUYEN
- 2.- O. NGUYEN VAN KHUYEN
- 3.- O. TRAN KIM DINH

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

TRAN THI DUNG (nữ) -

sinh ngày 10.10.1937 tại Văn-Xá, Nam-Định,

con của Ông TRAN VAN H A M (chết) và bà NGUYEN THI KINH ./-

Và duyên cớ mà y^{thi} khai-sanh được, là vì sự giao thông gián đoạn.

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phước Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật hình-cải phạt tội nguy-hại về việc Hộ-từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-dơn nghe.

Và các nhân-chứng có mặt của tôi và lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không có:



Lục-sao y, ngày 8 tháng 01 năm 1962

Chánh Lục-Sự,

CỘNG-HOÀ
TÂN-ĐÌNH

B ƠM 7 RÍCH / UC
BỘ KHAI - SATE

XÃ PHÚ-KHUÂN

Năm 1960

Số hiệu : 1008

Đã được Nguyễn-Hữu-Dức và
Trần-thị-Dung nhận nhận là
con và được đặt tên lại là
NGUYỄN-NGỌC-DUNG đồng thời
hợp thức hoá do Hôn-thủ lập
giữa Ông Nguyễn-Hữu-Dức và
Trần-thị-Dung tại Bình-Hoà
Gia-Dịnh, Nam-Phan ngày
17.8.66. Số hiệu 174.

Phú-Khuân 22.8.1966
Viên-chức Hộ-tịch
Ký tên
NGUYỄN-THANH-HÙNG

Tên họ sau khi	:	TRẦN - NGỌC - DUNG
Phái	:	Nam
Sinh (năm)	:	Ngày mười hai tháng sáu dương lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi, giờ 9:30.
Tại	:	Số 7 Nguyễn-Minh-Chiếu Phú-Khuân QĐ
Cha (Tên họ)	:	---
Mẹ	:	---
Cư trú tại	:	---
Mẹ (Tên họ)	:	Trần-thị-Dung
Mẹ	:	Hội-đồng
Cư trú tại	:	Phú-Khuân
Vợ (Chánh hay thứ)	:	Bộ thân

NHẬN THỰC CHỮ KÝ

C. Chủ-Tịch UBND.C. XÃ PHÚ-KHUÂN
Tân-Bình ngày 15 tháng 9 năm 1966

TUN QUÂN-THƯỜNG

Trưởng Phòng Hộ-Tịch
Ấn ký

TRẦN-VĂN-DƯƠNG

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

PHÚ-KHUÂN, ngày 8 tháng 9 năm 1966.

Chủ-tịch kiêm Ủy-Viên Hộ-tịch
Ấn ký

NGUYỄN-THANH-HÙNG

SAO Y BẮN CHÁNH

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ QUỐC- PHÒNG

BỘ TỔNG THAM-MƯU QLVNCH

KHÔNG-QUÂN

BỘ TƯ-LỆNH

HÀNH-DÍNH

KBC. 3.011, ngày 14/10/1966

Ts LÊ-VĂN-SAI

Chỉ-Huy-Trưởng

Bộ Tư-Lệnh Không-Quân



B

D

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIA-ĐÌNH
QUẬN GÒ-VẤP
XÃ BÌNH-HÒA



Số hiệu 3487

CH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Ngày tháng năm 1973 1962

Đã được Nguyễn-Hữu-Dức và Trần-Thị-Dung
nhìn nhận là con đẻ
được cải theo họ cha
là:

"NGUYỄN-THỊ-THU-HƯƠNG"
và đồng thời được chứng
thực hóa do hôn thú
số: 174 lập tại Xã
Bình Hòa (Gia Định)
ngày 17-8-1966

Tên họ đứa trẻ . . .	TRẦN - THỊ - THU - HƯƠNG
Con trai hay con gái	HỮU
Ngày sanh	Ngày hai mươi lăm, tháng năm, năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai
Nơi sanh	Bệnh Viện Nguyễn-Văn-Học, Xã B.H
Tên họ người cha . . .	-/-
Tên họ người mẹ . . .	Trần-Thị-Dung
Vợ chánh hay không có hôn thú.	-/-
Tên họ người đứng thai .	Hoàng-Thị-Nhuận

VU-THÀNH-HỮU

TRƯỞNG Y BẢN CHÁNH
Bình Hòa, ngày 17 tháng 5 năm 1973 3
Xã Bình Hòa Ủy Viên Hộ tịch
TỈNH GIA ĐỊNH QUẬN GÒ-VẤP
VU-THÀNH-HỮU

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIA-ĐÌNH



7 RICH / UC
KHAI - SANH

XÃ PHÚ-NHUẬN

Số hiệu : 367

Đã được Nguyễn-Hữu-Đức và
Trần-thị-Dung nhận nhận là
con được đặt tên lại là
NGUYỄN-THÀNH-QUANG đồng
thời hợp thức hoá do hôn-
thú lập giữa Ông Nguyễn-Hữu-
Đức và Trần-thị-Dung tại
Bình-hoà-xã Gia-Định Nam-
Phân ngày 17.8.1966. Số
hiệu 174.

Phú-Nhuận 22.8.1966

Viên-chức Hộ-tịch

Ký tên

NGUYỄN-THÀNH-HÙNG

Tên họ sau nhi : TRẦN-THANH-QUANG

Phái : Nam

Sanh : Ngày sáu tháng ba dương-lịch năm một ngàn
chín trăm sáu mươi bốn, hồi 13g15

Tại : Số 220 Chi-Lăng Phú-Nhuận, Gia-định

Cha (Tên họ) : ———

Nghề-nghị : ———

Cư trú tại : ———

Mẹ (Tên họ) : Trần-thị-Dung

Nghề : Duôn bán

Cư trú tại : 160/3 Lăng Cha Cả

Vợ (Chánh hay thứ) : ———

NHẬN THỰC CHỮ KÝ

Ô. Chủ-Tịch U.B.H.C. Xã Phú-Nhuận

Tân-Bình ngày 15 tháng 9 năm 1966

TUN. QUẢN-TRƯỞNG

Trưởng Phòng Hộ-tịch

Ấn ký

TRẦN-VĂN-DƯƠNG

TRÍCH Ý BỐN CHÁNH

Phú-Nhuận, ngày 8 tháng 9 năm 1966

Chủ-tịch kiêm Ủy-Viên Hộ-tịch

Ấn ký

NGUYỄN-THÀNH-HÙNG

SAO Y BẢN CHÍNH

KHO. 3.011, ngày 14.10.1967

Trưng Tá LÊ-VĂN-SAI

Chi-Tay-Tính

Mệnh Dịch B3 14/10/1967



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC- PHÒNG

BỘ TỔNG THAM-MƯU QUÂN

KHOA-QUÂN

BỘ-LƯU

CHỈ-DẪN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA ĐỊNH

BẢN TRÍCH LỤC

BỘ KHAI-SANH

XÃ BÌNH HOA

Năm 1966

Số hiệu: 1031



Tên, họ đầy đủ: TRẦN - QUANG - MINH
 Giới: Nam
 Sinh: Ngày chín, tháng hai, năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu.
 (ngày, tháng, năm)
 Tại: Bệnh viện Nguyễn Văn Hạc
 Cha: -----
 (Tên, họ)

Số thứ tự:

16980

ngày 17

Nhận của: Trần Quang Minh

Đã được: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

Viết: Trần Thị Dung

tại

Tên, họ

tại

thị trấn

Trần - thị - Dung

Buôn bán

Phụ - nhữ - n

Đã được Nguyễn Văn Đức và Trần Thị Dung nhận làm con và xin cái theo họ cha là Nguyễn Quang Minh, đồng thời được hợp chủng hóa do chúng tôi bản chủ số 174 cấp tại xã Bình Hòa (G D) ngày 17-8-66.

Trích y bản chính

BÌNH HOA ngày 31 tháng 8 năm 1966

Chứng thực chữ ký bên đây là của Ông Chủ tịch

hiện Ủy viên Hội đồng Xã BÌNH HOA

CƠ VẤP ngày 31 tháng 8 năm 1966



Nguyễn Văn Đức

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIADINH
QUẬN GÓVỚP
XÃ BÌNH-HÒA



LAI KHAI SANH

Chức vụ 64/7

Số hiệu 6137

Họ và tên đứa nhỏ... Nguyễn Anh Tuấn...
Phái... (Nam)...

sinh ngày 6... tháng 11... năm 1970... tại Bảo sanh...
Xã Bình-Hòa (Giadinh).

Họ và tên người cha... Nguyễn Tuấn Đức...

Họ và tên người mẹ... Trần Thị Dung...

Khai vào bộ ngày 9... tháng 11... năm 1970...

Xã Bình-Hòa, ngày 9... tháng 11... năm 1970...



TR. L. TRƯỞNG
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

TRẦN BẢNG CHỮ
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Biên lai khai sanh này chỉ để giữ
để danh sách khai sanh cho đứa trẻ.

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN GÒ - VẤP

XÃ BÌNH - HÒA

BẢN TRÍCH-LỤC
BỘ KHAI-SINH

ĐÃ KIỂM SOÁT ĐÚNG TRONG BỘ

Nhân-viên-phụ-trách,

150.



Năm 19 71

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NGÀY 1 / 1 / 1971

Số hiệu 8935

Tên, họ ấu nhi	NGUYỄN-THỊ-THU-HÀ
Phái	Nữ
Sanh (Ngày, tháng, năm)	Ngày mười chín, tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một.
Tại	Trung Tâm Thực Tập Y Khoa, Xã Bình-Hòa
Cha (Tên, họ)	Nguyễn-Hữu-Dức
Nghề	Quân Nhân
Cư trú tại	Xã Tân Sơn Hòa
Mẹ (Tên, họ)	Trần-Thị-Dung
Nghề	Nội-Trợ
Cư trú tại	Xã Tân Sơn Hòa
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Trích y bản chánh :

Xã Bình-Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 1971
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,



TRẦN QUANG CHƠ
Ủy viên Hộ tịch

MIỄN THỊ THỰC CHỖ KÝ

Tham chiếu : Thông-Tư Bộ Nội-Vụ số 4366/BNV/HC-29
ngày 3-8-70.

October 10, 1987

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

(Names of Vietnamese Political Prisoners who need IV and LOI numbers; information sent to ODP several years ago and no response to date).

<u>NAME</u>	<u>SPONSOR</u>
1.- Le Ha An DOB: 07/29/37	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
2.- Hua Thi Cam-Binh DOB: 08/27/43	Ba Thi Ngo
3.- Van Huu Dieu DOB: 11/15/34	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
4.- Nguyen Huu Duc DOB: 04/22/29	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
5.- Le Thien Giao DOB: 1927	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
6.- Nguyen Huu Hien DOB: 06/15/42	Phuoc Thi Hua
7.- Le Viet Hoa DOB: 10/10/43	Le Thi Phuong
8.- Vu Minh Hung DOB: 04/04/50	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
9.- Nguyen Manh Hung DOB: 01/26/54	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
10.- Tran Minh Huan DOB: 08/01/32	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
11.- Nguyen Ngoc Lau DOB: 07/05/25	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635

FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0435

October 10, 1987

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

(Names of Vietnamese Political Prisoners who need IV and LOI numbers; information sent to ODP several years ago and no response to date).

<u>NAME</u>	<u>SPONSOR</u>
12.- Chu Van Tan DOB: 01/23/44	Kv Clark
13.- Ngo Le Tri DOB: 11/12/28	Ngo Thu Phong



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn Kiểu Đức
Last Middle First

Current Address 220/1/4 Hoàng Văn Thụ - P.4 Tân Bình, HCM

Date of Birth 04-28-29 Place of Birth Ninh Bình

Previous Occupation before 1975 Lt Colonel

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1975 To 04-28-78

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Nguyễn Hữu Đức
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
<i>Trần Thị Dung</i>	<i>1937</i>	<i>Wife</i>
<i>Nguyễn Ngọc Dũng</i>	<i>1960</i>	<i>Son</i>
<i>Nguyễn Thị Thu Hương</i>	<i>1962</i>	<i>Daughter</i>
<i>Nguyễn Thanh Quang</i>	<i>1964</i>	<i>Son</i>
<i>Nguyễn Quang Minh</i>	<i>1966</i>	<i>"</i>
<i>Nguyễn Anh Tuấn</i>	<i>1970</i>	<i>"</i>
<i>Nguyễn Thị Thu Hà</i>	<i>1971</i>	<i>Daughter</i>

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Sai gôn ngày 17 tháng 07 năm 1987

Kính gửi bà Khắc Minh Thọ.

Cách đây 1 năm chúng tôi có gửi đến bà một lá thư nhờ bà hỏi dùm hồ sơ của chúng tôi đã có ở Bangkok chưa? Chúng tôi nhờ bà cho biết không có cách nào để hỏi BKK ai đã có hồ sơ ai chưa có, qua cái tin thông thấy trả lời của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi đã làm hồ sơ gửi đi BKK nhiều lần: 1981, 1983, 1986 nhưng đều không thấy trả lời. Chúng tôi mòn mỏi trông đợi và nhiều lúc tưởng chừng như đã tuyệt vọng.

Qua sự hướng dẫn của bà, chúng tôi gửi đến bà tập hồ sơ này và đây là tập hồ sơ lần thứ hai với ước nguyện tha thiết mong bà tận tình giúp đỡ chúng tôi được toại nguyện. Đó là tất cả những gì chúng tôi tha thiết và đã mòn mỏi mong chờ từ bao năm tháng này. Chúng tôi xin gửi đến bà tất cả lòng biết ơn chân thành nhất của gia đình chúng tôi.

Nếu có gì chưa đúng thủ tục hoặc cần bổ sung xin bà gửi thư cho chúng tôi theo địa chỉ.

NGUYỄN HỮU ĐỨC

220/1/4 Hoàng Văn Thụ

Đường 04 Tân Bình

Hồ Chí Minh City Việt Nam

Đức

Nguyễn Hữu Đức

Sài Gòn ngày 17 tháng 07 năm 1987.

Kính gửi bà Khắc Minh Thơ.

Các bạn đây 1 năm, chúng tôi có gửi cho bà 1 lá thư - nhờ bà tới thăm hồ số của chúng tôi có ở Bangkok không? Chúng tôi được bà cho biết qua lá thư ngày 8-8-1986: không có cách gì để tới BKK vì đã có hồ số, vì chưa có qua cái tên không thấy trả lời của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi đã làm hồ số và gửi qua BKK nhiều lần 1981, 1983, 1986 nhưng đều không thấy trả lời. Chúng tôi tha thiết trông đợi và nhiều lúc gần như tuyệt vọng.

Qua sự hướng dẫn của bà, chúng tôi gửi đến bà tập hồ số này với nguyện vọng tha thiết mong bà tận tình giúp đỡ chúng tôi được toại nguyện. Chúng tôi xin gửi đến bà tất cả lòng biết ơn của gia đình chúng tôi. Nhân được thư này xin bà báo cho chúng tôi biết để chúng tôi an tâm. Nếu có gì chưa đúng thủ tục hoặc cần bổ sung gì xin bà cho biết theo địa chỉ:

NGUYỄN HỮU ĐỨC

220/1/4 HỒNG VĂN THU

PHƯỜNG 04 TÂN BÌNH

HỒ CHÍ MINH CITY VIỆT NAM

Đức
Nguyễn Hữu Đức

SAIGON, JULY 17th 1987

APPLICATION FOR IMMIGRATION TO USA

TO THE GENERAL CONSUL OF THE USA EMBASSY INBANGKOK THAILAND

Myname: NGUYEN HUU DUC

Former Rank : Lieutenant Colonel / Viet Nam Air Force

Serial number : 49/600115

Time in concentration camp : 02 years 10 months 12 days

Mailing address : NGUYEN HUU DUC

220/1/4 Hoàng văn Thụ . Phường 04 TB

Hoachiminh city . VIETNAM

Once more , may I have the honor to submit you this new petition about my immigration to USA , since my former petition dated 1981, 1983 , 1986 are not answered.

Actually I must live in a desparate situation both economically and spiritually, although I have been released from concentration camp since April 1978 . My children could not have favorable opportunity for working and living.

In waiting to have your favor , I present you all my thanks .

Relative to accompany me :

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
1. TRẦN THỊ DUNG	1937	Namdingh	F	M	Spouse
2. NGUYỄN NGỌC DUNG	1960	Sai gon	M	S	Son
3. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	1962	"	F	S	Daughter
4. NGUYỄN THANH QUANG	1964	"	M	S	Son
5. NGUYỄN QUANG MINH	1966	"	M	S	Son
6. NGUYỄN ANH TUẤN	1970	"	M	S	Son
7. NGUYỄN THỊ THU HÀ	1971	"	F	S	Daughter

.....

Respectfully yours

Date : July 17th 1987

Duc
NGUYEN HUU DUC

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date : July 12th 1982

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name : NGUYEN - HUU - DUC
2. Other names : NONE
3. Date/Place of birth : 22 - 04 - 1929 NINH BINH VIETNAM
4. Residence address : 220/1/4 HOANG VAN THU HOCHIMINH CITY VIETNAM
5. Mailing address : - ID -

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Name	date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
TRAN THI DUNG	1937	NAM BINH	F	M	SPOUSE
NGUYEN NGOC DUNG	1960	SAIGON	M	S	SON
NGUYEN THI THU HONG	1962	SAIGON	F	S	DAUGHTER
NGUYEN TH ANH QUANG	1964	SAIGON	M	S	SON
NGUYEN QUANG MINH	1966	SAIGON	M	S	SON
NGUYEN ANH TU AN	1970	SAIGON	M	S	SON
NGUYEN THI THU HUA	1971	SAIGON	F	S	DAUGHTER

C. RELATIVES OUT SIDE VIETNAM :

1. Closest relative in the USA : NONE
 - a/ Name:
 - b/ Relationship:
 - c/ Address:
2. Closest relative in other Foreign countries :
 - a/ Name:
 - b/ Relationship:
 - c/ Address:

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Death)

- Name:
- Address:
1. Father: NGUYEN THAO HY (DEATH) NINH BINH VIETNAM
 2. Mother: DOI THI HIEN (DEATH) NINH BINH VIETNAM
 3. Spouse: TRAN THI DUNG (LIVING) 220/1/4 HOANG VAN THU TB VN
 4. Former spouse (if any)

5. Children :

NGUYEN NGOC DUNG	220/1/4 HOANG VAN THU TB HOCHIMINH CITY VN
NGUYEN THI THU HONG	- id -
NGUYEN TH ANH QUANG	- id -
NGUYEN QUANG MINH	- id -
NGUYEN ANH TU AN	- id -
NGUYEN THI THU HUA	- id -

6. Siblings:

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of Person employed **2..... NONE.....**

2. Date : From: To :

1/.....

2/.....

3/.....

4/.....

3. Title of (last) Positions held

1/.....

2/.....

3/.....

4/.....

4. Agency/company/Office :

1/.....

2/.....

3/.....

4/.....

5. Name of (Last) Supervisor :

1/.....

2/.....

3/.....

4/.....

6. Reason for leaving:

1/.....

2/.....

3/.....

7. Training for job in Vietnam:

.....

F. ~~REMARKS~~ SERVICE WITH G.V.A. OR V.N.A.F BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving: **NGUYEN HUU DUC**.....

2. Date: From : **1954**..... To : **1975**.....

3. Last rank : **LIEUTENANT COLONEL**

4. Ministry / Office / Military Unit **VN AIR FORCE HEADQUARTER / C.E. OFFICE**

5. Name of Supervisor **C.O GENERAL DANG BINH LINH**.....

6. Reason for leaving : **NOT ASSOCIATED WITH LOCAL SITUATION**

7. Name of American Advisor (s) **LT. COLONEL KAHITA - Major SANTOS/USAF**

8. US training courses in Vietnam: **LOGISTICS MANAGEMENT SEMINARY**

..... **TAN SON NHAT AIR BASE**.....

9. US Awards of certificates : **NONE**.....

.....

(CERTIFICATE LOST DURING 1975 EVENT)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOUR SPOUSE :

01. Name of student / Trainer : ...NGUYỄN HỮU ĐỨC.....
02. School and school address : ...NAHA AIR BASE OKINAWA.....
03. Date : From : OCTOBER 1968 To : DECEMBER 1968.....
04. Description of courses : ...STAFF CIVIL ENGINEERING.....
(CERTIFICATE LOST DURING THE 1975 EVENT.).....
05. Who paid for training :US AUSPICES.....

H. REEDUCATION OF YOUR SPOUSE

01. Name of person in Reeducation : ...NGUYỄN HỮU ĐỨC.....
02. Total time in Reeducation : 02 Years 10 Months 12 Days.....
03. Still in Reeducation : Yes? NO : ...X.....

I. ANY ADDITIONAL REMARKS

REQUEST...TO BE IMMIGRATED TO USA IN ORDER TO HAVE...
A BETTER SPIRITUAL LIVING CONDITION.....

Signature: Duc Date: July 12th 1978
NGUYỄN HỮU ĐỨC

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

SAIGON, JULY 17th 1987

APPLICATION FOR IMMIGRATION TO USA

TO THE GENERAL CONSUL OF THE USA EMBASSY IN BANGKOK THAILAND

My name: NGUYEN HUU DUC

Former Rank : Lieutenant Colonel / Viet Nam Air Force

Serial number : 49/600115

Time in concentration camp : 02 years 10 months 12 days

Mailing address : NGUYEN HUU DUC

220/1/4 Hoang Van Thu . Phuong Q4 TB

Ho Chi Minh city . VIETNAM

Once more , may I have the honor to submit you this new petition about my immigration to USA , since my former petition dated 1981, 1983 , 1986 are not answered.

Actually I must live in a desperate situation both economically and spiritually, although I have been released from concentration camp since April 1978 . My children could not have favorable opportunity for working and living.

In waiting to have your favor , I present you all my thanks .

Relative to accompany me :

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
1. TRẦN THỊ DUNG	1937	Nam Dinh	F	M	Spouse
2. NGUYỄN NGỌC DUNG	1960	Sai gon	M	S	Son
3. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	1962	"	F	S	Daughter
4. NGUYỄN THANH QUANG	1964	"	M	S	Son
5. NGUYỄN QUANG MINH	1966	"	M	S	Son
6. NGUYỄN ANH TUẤN	1970	"	M	S	Son
7. NGUYỄN THỊ THU HÀ	1971	"	F	S	Daughter

.....

Respectfully yours

Date : July 17th 1987

Duc

NGUYEN HUU DUC

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date : JULY 13th 1982

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name : NGUYEN HUU DUC
2. Other names : NONE
3. Date/Place of birth : 22-04-1929 NINH BINH VIETNAM
4. Residence address : 220/1/4 Hoang Van Thu TB Ho Chi Minh City Vietnam
5. Mailing address : - id -

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Name	date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
TRAN THI DUNG	1987	NAM BINH	F	M	SPOUSE
NGUYEN NGOC DUNG	1960	SAI GON	M	S	SON
NGUYEN THI THU HONG	1962	SAI GON	F	S	DAUGHTER
NGUYEN THANH QUANG	1964	SAI GON	M	S	SON
NGUYEN QUANG MINH	1966	SAI GON	M	S	SON
NGUYEN ANH TUAN	1970	SAI GON	M	S	SON
NGUYEN THI THU HA	1971	SAI GON	F	S	DAUGHTER
.....					
.....					

C. RELATIVES OUT SIDE VIETNAM :

1. Closest relative in the USA : NONE
- a/ Name:
- b/ Relationship:
- c/ Address:
2. Closest relative in other Foreign countries :
- a/ Name:
- b/ Relationship:
- c/ Address:

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Death)

Name:

Address:

1. Father: NGUYEN THAP HY (DEATH) NINH BINH VIETNAM
2. Mother: BOI THI HIEN (DEATH) NINH BINH VIETNAM
3. Spouse: TRAN THI DUNG (LIVING) 220/1/4 Hoang Van Thu TB VN
4. Former spouse (if any)

5. Children :

NGUYEN NGOC DUNG	220/1/4 HOANG VAN THU TB HO CHI MINH CITY
NGUYEN THI THU HONG	- id -
NGUYEN THANH QUANG	- id -
NGUYEN QUANG MINH	- id -
NGUYEN ANH TUAN	- id -
NGUYEN THI THU HA	- id -
.....	
.....	

6. Siblings:

.....

.....

F. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of Person employed 2..... NONE
2. Date : From: To :
 1/.....
 2/.....
 3/.....
 4/.....
3. Title of (last) Positions held
 1/.....
 2/.....
 3/.....
 4/.....
4. Agency/company/Office :
 1/.....
 2/.....
 3/.....
 4/.....
5. Name of (Last) Supervisor :
 1/.....
 2/.....
 3/.....
 4/.....
6. Reason for leaving:
 1/.....
 2/.....
 3/.....
7. Training for job in Vietnam:

.....

F. ~~ARMED~~ SERVICE WITH G.V.N OR R.V.N.A.F BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving: .. NGUYEN HUU DUC
2. Date: From ;... 1954 To :... 1975
3. Last rank : LEUTENANT COLONEL
4. Ministry / Office / Military Unit : VN AIR FORCE HEADQUARTER / G.OFFICE
5. Name of Supervisor / C.O .. GENERAL DANG DINH LINH
6. Reason for leaving :... NOT ASSOCIATED WITH LOCAL SITUATION
7. Name of American Adviser (S) LT. COL. LALITA - MOTOR SANTOS. US AIR FORCE
8. US training courses in Vietnam: LOGISTICS MANAGEMENT SEMINARY
 TAN SON NHAT. AIR BASE
9. US Awards of certificates :... NONE

(CERTIFICATE LOST DURING THE 1975 EVENT)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOUR SPOUSE :

01. Name of student / Trainer : ... NGUYEN HUU DUC
02. School and school address : ... NAHA ... AIR ... BASE OKINAWA,
.....
03. Date : From : OCTOBER 1968 ... To : DECEMBER 1968
04. Description of courses : ... STAFF CIVIL ENGINEERING
... (CERTIFICATE LST DURING THE 1975 EVENT)
05. Who paid for training : ... US AUSPICES
-

H. REEDUCATION OF YOUR SPOUSE

01. Name of person in Reeducation : ... NGUYEN HUU DUC
02. Total time in Reeducation : ... 02 Years 10 Months 12 Days
03. Still in Reeducation : Yes? NO : ... X

I. ANY ADDITIONAL REMARKS

REQUEST TO BE IMMIGRATED TO USA IN ORDER TO HAVE ...
... A BETTER ... SPIRITUAL LIVING CONDITION ...
.....
.....
.....

Signature: Sue Date: July 17th 1982
NGUYEN HUU DUC

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3200

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 122/ĐQ-ĐP ngày 14-4-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN BÀN

Ngày, tháng, năm sinh: 1928

Quê quán: Thị trấn Bình

Trú quán: 220/1/4 Hoàng Văn Thụ, Tân Bình, TP-HCM

Nơi cho về: 220/1/4 Hoàng Văn Thụ, Tân Bình, TP-HCM

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 5/500.115 - Trưởng tá, Trưởng khu quân sự tạo tác Tân Sơn Nhất

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã,

Phường: Thị trấn Bình thuộc Huyện,

Quận: Tân Bình Tỉnh, Thành phố: HỒ CHÍ MINH

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: hai tháng

- Thời hạn đi đường: ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

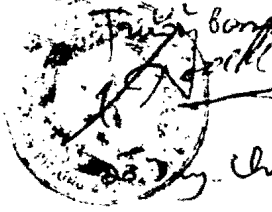
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

Ngày 14 tháng 4 năm 1978
ĐOÀN 700.

Trưởng tá: NGUYỄN VĂN BÀN

Đã trình diện ngày 25.4.78

đơn CH Fh



Kính gửi: T. M. C. A. F. K.

Đã trình diện ngày 15.7.78



g. ALT 07/78

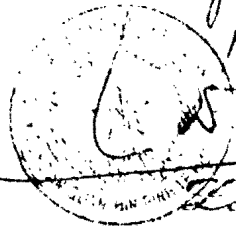
21/07/78

Số: 124/Đ.Đ. 03/28/4/78
Gửi: Ủy ban đ.đ. có điều kiện trình diện
Mục Tập về: /.

ngày 27/4/78

T/L công An Quận Tân Bình

phó đ.đ. 03.1



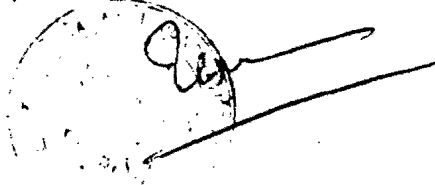
Trần Văn Tron

Chứng Nhân số 116/CH

Anh Nguyễn Hữu Đức có đến
trình diện tại Ủy ban Quận.

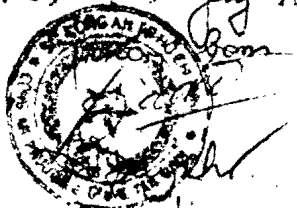
Huân Quận Tân Bình ngày 27/4/78

TM/Ủy ban Quận Huân

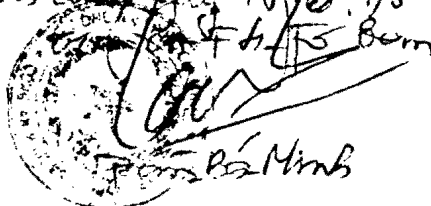


Đã trình diện ngày 15.5.78

TRẦN-VĂN-TRON.



Đã trình diện ngày 17/6.78



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Lục sao y bản chính để lại phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Saigon

BỘ TƯ-PHÁP

Số _____ / 19 59

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Ngày 7 tháng 1 năm 19 59

TÒA HÒA-GIẢI ĐO-THÀNH
SAIGON

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH ~~CHO~~

Năm một ngàn chín trăm năm mươi chín ngày 7 tháng 1, hồi 10 giờ.

Trước mặt chúng tôi là **NGUYỄN VĂN LOANH**, Thẩm-phán Tòa Hòa-Giải
Đo-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có lục-sự
phụ tá



ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1. — **NGUYỄN VĂN SANG**
2. — **PHẠM VĂN KAN tức KHAN**
3. — **PHẠM BÁT T**

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả quyết biết chắc

Ô. NGUYỄN HUU LUC

sinh ngày 22-4-1929 tại Yên Mỹ Thương, Ninh-bình

con của **Ô. NGUYỄN THAP HY** và bà **DOI THI HIEM** (chết cả)

Và duyên-cớ mà khai-sanh được là vì **su giao thông gian dối**

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân-chứng đã xác-nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử dụng theo luật, cđ theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình luật cạnh cải, phạt tội ngụy-chứng và việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 50 đến 2.000 quan đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-dân nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi ở văn-phòng này sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :



Lục sao y.

tháng 1 năm 19 59

Lục-Sự.

GIẤY NÀY BẮC

TÊN-HỌ (Bậc_____)

Số hiệu I 74+

Ngày 17 tháng 8 năm 1966

- Nguyễn Ngọc Dũng, nam, sinh ngày 12/6/1946 tại xã Phú Nhuận, Gia Định.
- Nguyễn Thị Li, Hoàng, nữ, sinh ngày 25/4/1966 tại Bình Hòa xã, Gia Định.
- Nguyễn Khắc Quang, nam, sinh ngày 6-3-1966 tại xã Phú - Nhuận Gia Định.
- Nguyễn - Quang - Bình, nữ, sinh ngày 0-2-1966 tại Bình Hòa xã, Gia Định.

Quảng Trị, ngày 05 tháng 05 năm 1960. Sai - gần ngày 8-7-60.

Item Number: 10-37-1

66-11 page 35 to 3. 2. 1965

... ngày 20 tháng ... Năm 1966

100-441101-100

NOTICE

NY-200

1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 26

454

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PhÁP

SỞ TƯ-PhÁP NAM-PHẦN

TOÀ HOÀ-GIẢI ĐO-THÀNH
SAIGON

Lục-sao y bản chánh đề tại phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon.

Số 10.643

Ngày 16 tháng 11 năm 1962

Y/5

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

TRAN THI DUNG

Năm một ngàn chín trăm 62 ngày 16 tháng 11 giờ 7 giờ 30.

Trước mặt chúng tôi là HA NHU VINH Chánh-án Toà Hoà-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 15, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có lục-sự
ĐANG TRAN ANH phụ-lá



ĐÃ TRÌNH DIỆN:

- 1.- Bà NGUYEN THI QUYEN
- 2.- O. NGUYEN VAN KHUYEN
- 3.- O. TRAN KIM DINH

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

TRAN THI DUNG (nữ) -

sinh ngày 10.10.1937 tại Văn-Xá, Nam-Định,

con của Ông TRAN VAN H A M (chết) và bà NGUYEN THI KINH ./-

Và duyên cớ mà y-thị³ khai-sanh được, là vì sự giao thông gián đoạn.

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phước Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật hình-cải phạt tội nguy-hại về việc Hộ-từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-dân nghe.-

Và các nhân-chứng có mặt của tôi và lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không có:



Lục-sao y, ngày 8 tháng 01 năm 1962

Chánh Lục-Sự,

VN CỘNG-HOÀ
TÊN GIA-ĐÌNH

B ƠM 7 RÍCH / UC
BỘ KHAI - SATE

XÃ PHÚ-NHUẬN

Năm 1960

Số hiệu : 1008

Đã được Nguyễn-Hữu-Dức và
Trần-thị-Dung nhận nhận là
con và được đặt tên lại là
NGUYỄN-NGỌC-DUNG đồng thời
hợp thức hoá do Hôn-thú lập
giữa Ông Nguyễn-Hữu-Dức và
Trần-thị-Dung tại Bình-Hoà
Gia-Định, Nam-Phan ngày
17.8.66. Số hiệu 174.

Phú-Nhuận 22.8.1966
Viên-chức Hộ-tịch
Ký tên
NGUYỄN-TRẦN-HÙNG

Tên họ sau khi

TRẦN - NGỌC - DUNG

Phái

Nam

Sanh (

Ngày mười hai tháng sáu dương lịch
năm một ngàn chín trăm sáu mươi,
giờ 9:30.

Tại

Số 7 Nguyễn-Minh-Chiếu Phú-Nhuận QĐ

Cha (Tên họ)

Nghề

Cư trú tại

Mẹ (Tên họ)

Trần-thị-Dung

Nghề

Hội-vay

Cư trú tại

Phú-Nhuận

Vợ (Chánh hay thứ)

Bộc thân

NHẬN THỰC CHỮ KÝ

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

C. Chủ-Tịch UBND H.C. XÃ PHÚ-NHUẬN

PHÚ-NHUẬN, ngày 8 tháng 9 năm 1966.

Tân-Bình ngày 15 tháng 9 năm 1966

Chủ-tịch kiêm Ủy-Viên Hộ-tịch

TUN QUÂN-THƯỜNG

Ấn ký

Trưởng Phòng Hộ-Tịch

NGUYỄN-TRẦN-HÙNG

Ấn ký

TRẦN-VĂN-DƯƠNG

SAO Y BẮN CHÁNH

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ QUỐC- PHÒNG

BỘ TỔNG THAM-MƯU QLVNCH

KHÔNG-QUÂN

BỘ TƯ-LỆNH

HÀNH-DÍNH

KBC. 3.011, ngày 14/10/1966

Tổng-Tá LÊ-VĂN-SAI

Chỉ-Huy-Trưởng

Bộ Tư-Lệnh Không-Quân



B

D

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIA-ĐÌNH
QUẬN GÒ-VẤP
XÃ BÌNH-HÒA



CH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Số hiệu 3487

Ngày tháng năm 1972 1962

Đã được Nguyễn-Hữu-Đức và Trần-Thị-Dung nhìn nhận là con này được sinh theo họ cha là:

"NGUYỄN-THỊ-THU-HƯƠNG" và đồng thời được chứng thực hôn do hôn thú số: 174 lập tại Xã Bình Hòa (Gia-Định) ngày 17-8-1966

Tên họ đứa trẻ . . .	TRẦN - THỊ - THU - HƯƠNG
Con trai hay con gái	Nữ
Ngày sinh	Ngày hai mươi lăm, tháng năm, năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai.
Nơi sinh	Bệnh Viện Nguyễn Văn Học Xã B.H
Tên họ người cha . . .	-/-
Tên họ người mẹ . . .	TRẦN-THỊ-DUNG
Vợ chánh hay không có hôn thú.	-/-
Tên họ người đứng thai .	HOÀNG-THỊ-NHƯẬN

VU-THÀNH-HỮ

TRƯỞNG Y BẢN CHÁNH
Bình Hòa, ngày tháng năm 1972 3
Xã Trưởng Hòa Ủy Viên Hộ Tích
TỈNH GIA-ĐÌNH QUẬN GÒ-VẤP
VU-THÀNH-HỮ

7 RICH L UC
KHAI - SANH

Đã được Nguyễn-Hữu-Bước và Trần-thị-Dung nhận nhận là con được đặt tên lại là NGUYỄN-THANH-QUANG đồng thời hợp thức hoá do hôn-thú lập giữa Ông Nguyễn-Hữu-Bước và Trần-thị-Dung tại Bình-hoà-hử Gia-định Nam-Phân ngày 17.8.1966. Số hiệu 174.

Phủ-Nhuận 22.8.1966
Viên-chức Hộ-tịch
Ký tên
NGUYỄN-THANH-HÙNG

Tên họ sau khi	:	TRẦN-THANH-QUANG
Phái	:	Nam
Sinh	:	Ngày sáu tháng ba dương-lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, hồi 13g15
Tại	:	Số 220 Chi-Lăng Phú-Nhuận, Gia-định
Cha (Tên họ)	:	_____
Nghề-nghịệp	:	_____
Ơi trú tại	:	_____
Mẹ (Tên họ)	:	Trần-thị-Dung
Nghề	:	Buôn bán
Ơi trú tại	:	160/3 Lăng Cha Cả
Vợ (Chánh hay thứ)	:	_____

NHẬN THỰC CHỨ KÝ
 Ở Chủ tịch U.B.H.C. Xã Phú-Như
 Tân-Bình ngày 15 tháng 9 năm 1966
 TUN. QUÂN-TRƯỞNG
 Trưởng Phòng Hộ-tịch
 Ấn ký
 TRẦN-VĂN-DƯƠNG

TRÍCH Ý BỐN CHÁNH
Phủ-Nhậm, ngày 8 tháng 9 năm 1966
Chủ-tịch kiêm Ủy-Viên Hộ-tịch
An Mỹ
NGUYỄN-THANH-HÙNG

SAO Y BẢN CHÍNH

YHC. 3.011, ngày 6/4/1967

Trưng Táp LỄ-VĂN-SAI

Old - pay - 1000
 1000 - 1000 - 1000

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-NGIA
BỘ TỔNG-THAM-MƯU QUÂN
KHÔNG-QUÂN
BỘ QUỐC-NGIA
BỘ TỔNG-THAM-MƯU QUÂN



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA ĐỊNH

BẢN TRÍCH LỤC

BỘ KHAI-SANH

XÃ BÌNH HOA

Năm 1966

Số hiệu: 1031



Tên, họ đầy đủ: TRẦN - QUANG - MINH
 Giới: Nam
 Sinh: Ngày chín, tháng hai, năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu.
 (ngày, tháng, năm)
 Tại: Bệnh viện Nguyễn Văn Hạc
 Cha: (Tên, họ)

Số thứ tự:

16980

ngày

Nhận của: Trần Quang Minh

Chức vụ: Phó trưởng

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

Viện chức trách

(Tên, họ)

tại

Tên, họ

tại

(họ, tên)

Trần - thị - Dung

Buôn bán

Phụ - nhữ - n

Đã được Nguyễn Văn Đức và Trần thị Dung nhận làm con và xin cái theo họ cha là Nguyễn Quang Minh, đồng thời được hợp chủng hóa do chúng tôi nhận chủ số 174 cấp tại xã Bình Hòa (G D) ngày 17-8-66.

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ tịch

hiện Ủy viên Hội đồng Xã BÌNH HOA

CƠ VẤP ngày 31 tháng 8 năm 1966



BÌNH HOA ngày 31 tháng 8 năm 1966

Trích y bản chính

Nguyễn Văn Đức

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIADINH
QUẬN CỐT LẬP
XÃ BÌNH-HÒA



LAI KHAI SANH

Chức vụ 64/7

Số hiệu 6137

Họ và tên đứa nhỏ... Nguyễn Anh Tuấn...

Phái... (Nam)...

sinh ngày 6... tháng 11... năm 1970... tại Bảo sanh T.T.T. y khoa
Xã Bình-Hòa (Giadinh).

Họ và tên người cha... Nguyễn Tuấn Đức...

Họ và tên người mẹ... Trần Thị Dung...

Khai vào bộ ngày 9... tháng 11... năm 1970...

Xã Bình-Hòa, ngày 9... tháng 11... năm 1970...



TR. L. TRƯỞNG
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

TRẦN BẢNG CHỮ
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Biên lai khai sanh này chỉ để giữ
để danh sách khai sanh cho đứa trẻ.

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN GÒ - VẤP

XÃ BÌNH - HÒA

BẢN TRÍCH-LỤC
BỘ KHAI-SINH

ĐÃ KIỂM SOÁT ĐÚNG TRONG BỘ

Nhân-viên-phụ-trách,

150.



Năm 19 71

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NGÀY 3 THÁNG 8 NĂM 1971

Số hiệu 8935

Tên, họ ấu nhi	NGUYỄN-THỊ-THU-HÀ
Phái	Nữ
Sanh (Ngày, tháng, năm)	Ngày mười chín, tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một.
Tại	Trung Tâm Thực Tập Y Khoa, Xã Bình-Hòa
Cha (Tên, họ)	Nguyễn-Hữu-Dức
Nghề	Quân Nhân
Cư trú tại	Xã Tân Sơn Hòa
Mẹ (Tên, họ)	Trần-Thị-Dung
Nghề	Nội-Trợ
Cư trú tại	Xã Tân Sơn Hòa
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Trích y bản chánh :

Xã Bình-Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 1971
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,



TRẦN QUANG CHƠ
Ủy viên Hộ tịch

MIỄN THỊ THỰC CHỖ KÝ

Tham chiếu : Thông-Tư Bộ Nội-Vụ số 4366/BNV/HC-29
ngày 3-8-70.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIADINH
QUẬN CỐV
XÃ BÌNH-HÒA



LAI KHAI SANH

Chức vụ 64/7

Số hiệu 6137

Họ và tên đứa nhỏ... Nguyễn Anh Tuấn...
Phái... (Nam)...

sinh ngày 6... tháng 11... năm 1970... tại Bảo sanh T.T.T. y khoa
Xã Bình-Hòa (Giadinh).

Họ và tên người cha... Nguyễn Tuấn Đức...

Họ và tên người mẹ... Trần Thị Dung...

Khai vào bộ ngày 9... tháng 11... năm 1970...

Xã Bình-Hòa, ngày 9... tháng 11... năm 1970...



TR. L. TRƯỞNG
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

TRẦN BẢNG CHỮ
Ủy viên Hộ tịch

Biên lai khai sanh này chỉ để giữ
để danh sách khai sanh cho đứa trẻ.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA ĐỊNH

BỘ TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

xã BÌNH HOA

Năm 1966

Số hiệu: 1031



Tên, họ ấu nhi

TRẦN - QUANG - MINH

Phái

Nam

Sanh

(ngày, tháng, năm)

Ngày chín, tháng hai, năm một ngàn
chín trăm sáu mươi sáu.

Tại

Bình viên Nguyễn Văn Hạo

Cha

(Tên, họ)

Số thứ tự:

16980

ngày

Nhân của

Lân Quang Chính

tại

Số

Đất đai

(Tên, họ)

Trần - thị - Dung

Buôn bán

tại

Phủ - nhơn

Đã được Nguyễn Văn Hạo và Trần thị Dung nhận
nhận là con và xin cái theo họ cha là Nguyễn
Quang Minh, đồng thời được hợp thức hóa do
chung thư hôn thú số 174 lập tại xã Bình Hoa
(G D) ngày 17-8-66.

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ - Tịch

Hội Ủy viên Hội-tịch xã BÌNH HOA

ngày 31 tháng 8 năm 1966

GỖ VẤP

QUIN A. TRUONG

GỖ VẤP

TỈNH GIA-DINH

Trích y bản chính

BÌNH HOA ngày 31 tháng 8 năm 1966



NHÀ VĂN-VĂN-BÁY

CỘNG-HOÀ
TÂN-ĐÌNH

B ƠM 7 RÍCH / UC
BỘ KHAI - SATE

XÃ PHÚ-KHUÂN

Năm 1960

Số hiệu : 1008

Đã được Nguyễn-Hữu-Dức và
Trần-thị-Dung nhận nhận là
con và được đặt tên lại là
NGUYỄN-NGỌC-DUNG đồng thời
hợp thức hoá do Hôn-thủ lập
giữa Ông Nguyễn-Hữu-Dức và
Trần-thị-Dung tại Bình-Hoà
Gia-Dịnh, Nam-Phan ngày
17.8.66. Số hiệu 174.

Phú-Khuân 22.8.1966
Viên-chức Hộ-tịch
Ký tên
NGUYỄN-THANH-HÙNG

Tên họ sau khi

TRẦN - NGỌC - DUNG

Phái

Nam

Sanh (

Ngày mười hai tháng sáu dương lịch
năm một ngàn chín trăm sáu mươi,
giờ 9:30.

Tại

Số 7 Nguyễn-Minh-Chiếu Phú-Khuân QĐ

Cha (Tên họ)

Nghề

Cư trú tại

Mẹ (Tên họ)

Trần-thị-Dung

Nghề

Hội-vý

Cư trú tại

Phú-Khuân

Vợ (Chánh hay thứ)

Bộc thân

NHẬN THỰC CHỮ KÝ

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

C. Chủ-Tịch UBND H.C. XÃ PHÚ-KHUÂN

PHÚ-KHUÂN, ngày 8 tháng 9 năm 1966.

Tân-Đình ngày 15 tháng 9 năm 1966

Chủ-tịch kiêm Ủy-Viên Hộ-tịch

TUN QUÂN-THƯỜNG

Ấn ký

Trưởng Phòng Hộ-Tịch

NGUYỄN-THANH-HÙNG

Ấn ký

TRẦN-VĂN-DƯƠNG

SAO Y BẮN CHÁNH

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ QUỐC- PHÒNG

BỘ TỔNG THAM-MƯU QLVNCH

KHÔNG-QUÂN

BỘ TƯ-LỆNH

HÀNH-DÍNH

KBC. 3.011, ngày 14/10/1966

Tổng-TS LÊ-VĂN-SAI

Chỉ-Huy-Trưởng

Bộ Tư-Lệnh Không-Quân



B

D

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIA-ĐÌNH
QUẬN GÒ-VẤP
XÃ BÌNH-HÒA



CH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Số hiệu 3487

Ngày tháng năm 1972 1962

Đã được Nguyễn-Hữu-Đức và Trần-Thị-Dung nhìn nhận là con này được sinh theo họ cha là:

"NGUYỄN-THỊ-THU-HƯƠNG" và đồng thời được chứng thực hôn do hôn thú số: 174 lập tại Xã Bình Hòa (Gia-Định) ngày 17-8-1966

Tên họ đứa trẻ . . .	TRẦN - THỊ - THU - HƯƠNG
Con trai hay con gái	Nữ
Ngày sinh	Ngày hai mươi lăm, tháng năm, năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai.
Nơi sinh	Bệnh Viện Nguyễn Văn Học Xã B.H
Tên họ người cha . . .	-/-
Tên họ người mẹ . . .	Trần-Thị-Dung
Vợ chánh hay không có hôn thú.	-/-
Tên họ người đứng thai .	Hoàng-Thị-Nhuận

VU-THÀNH-HỮ

TRƯỞNG Y BẢN CHÁNH
Bình Hòa, ngày tháng năm 1972 3
Xã Trưởng Hòa Ủy Viên Hộ-Tịch
TỈNH GIA-ĐÌNH QUẬN GÒ-VẤP
VU-THÀNH-HỮ

7 RICH L UC
KHAI - SANH

Đã được Nguyễn-Hữu-Bước và Trần-thị-Dung nhận nhận là con được đặt tên lại là NGUYỄN-THANH-QUANG đồng thời hợp thức hoá do hôn-thú lập giữa Ông Nguyễn-Hữu-Bước và Trần-thị-Dung tại Bình-hoà-hử Gia-định Nam-Phân ngày 17.8.1966. Số hiệu 174.

Phủ-Nhuận 22.8.1966
Viên-chức Hộ-tịch
Ký tên
NGUYỄN-THANH-HÙNG

Tên họ sau khi	:	TRẦN-THANH-QUANG
Phái	:	Nam
Sinh	:	Ngày sáu tháng ba dương-lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, hồi 13g15
Tại	:	Số 220 Chi-Lăng Phú-Nhuận, Gia-định
Cha (Tên họ)	:	_____
Nghề-nghịệp	:	_____
Ơi trú tại	:	_____
Mẹ (Tên họ)	:	Trần-thị-Dung
Nghề	:	Buôn bán
Ơi trú tại	:	160/3 Lăng Cha Cả
Vợ (Chánh hay thứ)	:	_____

NHẬN THỰC CHỨ KÝ
 Ở Chủ tịch U.B.H.C. Xã Phú-Nhân
 Tân-Bình ngày 15 tháng 9 năm 1966
 TUN. QUÂN-TRƯỞNG
 Trưởng Phòng Hộ-tịch
 Ấn ký
 TRẦN-VĂN-DƯƠNG

TRÍCH Ý BỐN CHÁNH
Phủ-Nhậm, ngày 8 tháng 9 năm 1966
Chủ-tịch kiêm Ủy-Viên Hộ-tịch
An Mỹ
NGUYỄN-THANH-HÙNG

SAO Y BẢN CHÁNH

YHC. 3.011, ngày 4.10.1967

Trung Tá LÊ VĂN SAI

Old - pay - 1000
 1000 - 1000 - 1000

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-NGIA
BỘ TỔNG-THAM-MƯU QUÂN
KHU-VỰC
BỘ



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PhÁP

SỞ TƯ-PhÁP NAM-Phân

TOÀ HOÀ-GIẢI ĐOÀ-T.ÁNH
SAIGON

Lục-sao bản chánh đề tại phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon.

Số 10.643

Y/5

Ngày 16 tháng 11 năm 1962

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

TRAN THI DUNG

Năm một ngàn chín trăm 62 ngày 16 tháng 11 hồi 7 giờ 30.

Trước mặt chúng tôi là HA NHU VINH

Chánh-án Toà Hoà-Giải

Đoàn Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự

ĐANG TRAN ANH

phụ-tô

ĐÃ TRÌNH DIỆN:

1.- Bà NGUYEN THI QUYEN

2.- O. NGUYEN VAN KHUYEN

3.- O. TRAN KIM DINH

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc:

TRAN THI DUNG (nữ) -

sinh ngày 10.10.1937 tại Văn-Xá, Nam-Định,

con của ông TRAN VAN H A M (chết) và bà NGUYEN THI KINH ./-

Và duyên cớ mà y-chi sự giao thông gián đoạn.

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật cùng-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 3.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên cùng chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc tại.

Ký tên không rõ:



Lục-sao y.

gan, ngày 8 tháng 01 năm 1962

Chánh Lục-Sự

GIÁ TIỀN: 5000

BẢN TRÍCH LỤC

ĐỘ-HÔN-THỦ

(Độc)

Năm 1966

Số hiệu 174

Người chồng : (Tên họ)	NGUYỄN - HỮU - ĐỨC
Sanh tại :	Yên - Mô - Thượng (Minh Bình)
Sanh ngày :	Ngày 22 tháng 4 năm 1949
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn - thấp - Hy (chết)
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Đoàn - thị - Môn (chết)
Người vợ : (Tên họ)	TRẦN - THỊ - DUNG
Số thứ tự : ngày 3/8/1966 (chính hay vợ thứ)	Vợ chánh
Sanh tại :	Văn - Xá Nam Định
Sanh ngày :	Ngày 10 tháng 10 năm 1937
Cha vợ : (sống chết phải nói)	Trần - văn - Hàm (chết)
Mẹ vợ : (sống chết phải nói)	Ngô văn - thị - Kính (sống)
Ngày cưới :	Ngày 17 tháng 8 năm 1966
Vợ chồng có khai nhận con tự sanh làm con chánh thức không ?	- Nguyễn Ngọc Dung , nam, sanh ngày 12/6-1960 tại xã Phú nhuận Gia đình. - Nguyễn thị Thu, Hương , nữ, sanh ngày 25-8-1962 tại Bình hòa xã Gia đình. - Nguyễn Thanh Quang, nam, sanh ngày 6-3-1964 tại xã Phú - nhuận Gia đình. - Nguyễn - Quang - Minh, nam, sanh ngày 9-2-1966 tại Bình hòa xã Gia đình.

Quản định cho phép kết hôn số 1030/SP/Đ SV Sài Gòn ngày 8-7-66.

Kèm Ủy viên Hộ tịch Xã BÌNH HOA

Cố Vấn, ngày 30 tháng 8 năm 1966

TRƯỞNG,

BINH HOA, ngày 30 tháng 8 năm 1966

ỦY VIÊN HỘ TỊCH

NGUYỄN VĂN



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Lục-sao y bản chánh đề tại phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Saigon

BỘ TƯ-PHÁP

Số _____ / 19 59

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Ngày 7 tháng 1 năm 19 59

TÒA HÒA-GIẢI ĐÔ-THÀNH
SAIGON

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH ~~CHỜ~~

Năm một ngàn chín trăm ~~nam mươi chín~~ ngày 7 tháng 1, giờ 10 giờ.

Trước mặt chúng tôi là ~~BOUYE VAN LOANH~~, Thẩm-phán Tòa Hòa-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
~~Phan Van Khanh~~ phụ tá



ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1. — NGUYEN VAN SANG
2. — PHAM VAN KAN tức KHAN
3. — PHAM BAT Y

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả quyết biết chắc

O. NGUYEN HUU DUC

sinh ngày 22-4-1929 tại Yên Mỹ Thượng, Ninh-bình

con của O. NGUYEN THAP HY và bà DOI THI HIEN (chết cả)

Và duyên-cớ mà khai-sanh được là vì **sự giao chấp gian con**

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân-chứng đã xác-nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của hệ-hình luật cũ, phạt tội ngụy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 50 đến 2.000 quan đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi **đương-sự** sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :



Lục-sao y.

Ngày _____ tháng 1 năm 19 59

Lục-Sự.

GIẤY TIỀN: 5500

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 316

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 222/QĐ ngày 14-4-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN BÙI 1243-19

Ngày, tháng, năm sinh: 1929

Quê quán: Tân Bình

Trú quán: 220/1/4 Hoàng Văn Thụ, Tân Bình, TP-HCM

Nơi cho về: 220/1/4 Hoàng Văn Thụ, Tân Bình, TP-HCM

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 600.115 - Trung tá, Trưởng khu quân sự tạo tác Tân Sơn Nhất.

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: _____ thuộc Huyện, Quận: Tân Bình Tỉnh, Thành phố: TP HCM và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: hai tháng

- Thời hạn đi đường: _____ ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: _____

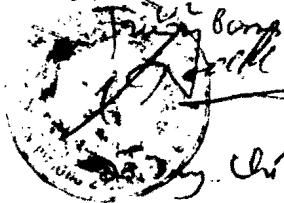
Ngày 14 tháng 4 năm 1978

QUAN 700.

Trưởng ban: NGUYỄN VĂN BÀN

Đã hình thức ngày 25.4.78

am ch Fh



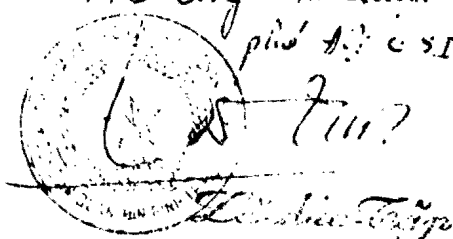
Đã hình thức ngày 15.7.78



Số: 129/ĐP 27/4/78
Ủy ban nhân dân tỉnh
Mục Tập 1.

ngày 27/4/78

T/L Công An Liên Tỉnh
phủ Đ. 1. 1

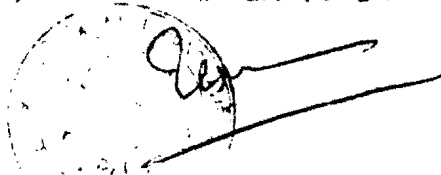


Công Nhân số 116/er

Anh Nguyễn Hữu Đức có đến
trình diện tại Ủy ban Nhân

Dân Luân Tân Bình ngày 27/4/78

TM/Ủy ban Nhân Dân

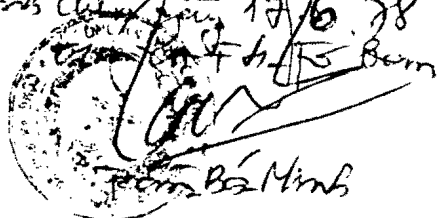


Đã hình thức ngày 15.5.78

TRẦN-VĂN-TRON



Đã hình thức ngày 17/6.78



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

XÃ BÌNH - HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN GÒ - VẤP

▽

BỔN TRÍCH-LỤC
BỘ KHAI-SINH

ĐÃ KIỂM SOÁT ĐÚNG TRONG BỘ

Nhân-viên phụ-trách,

15b.



Năm 19 71

HỒ SƠ QUẢN ĐỒ

Số hiệu 8935

Tên, họ ấu nhi	NGUYỄN-THỊ-THU-HÀ
Phái	NỮ
Sinh (Ngày, tháng, năm)	Ngày mười chín, tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một.
Tại	Trung Tâm Thực Tập Y Khoa, Xã Bình-Hòa
Cha (Tên, họ)	Nguyễn-Hữu-Dức
Nghề	Quân Nhân
Cư trú tại	Xã Tân Sơn Hòa
Mẹ (Tên, họ)	Trần-Thị-Dung
Nghề	Nội-Te
Cư trú tại	Xã Tân Sơn Hòa
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Trích y bản chánh :

Xã Bình-Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 1971

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,



TRẦN QUANG CHƠ

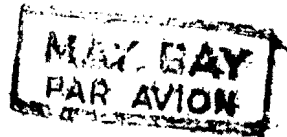
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

MIỀN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiếu: Thông-Tư Bộ Nội-Vụ số 4366/BNV/HC-29
ngày 3-8-70.

FROM: NGUYỄN HỮU ĐỨC
220/1/4 HOÀNG VĂN THỤ
PHƯỜNG 04 TÂN BÌNH
HỒ CHÍ MINH CITY VIỆT NAM

AUG 07 1987



Claim Check
No.

466694

☐ Registered



1st Notice

2nd Notice

Return

Postage from
P.O. Form 3848-A
Oct. 1986

TO: THO KHUC MINH

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

V.A. 22205 - 0635

U.S.A.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171 : Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn Huân Đức
Last Middle First

Current Address 220/1/4 Hoàng-V-Thị St., P.4-TB, T/ HCMinh

Date of Birth 4-22-1929 Place of Birth Vinh Binh

Previous Occupation (before 1975) Lt. Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1975 To 04-1978
LENGTH (Number of years in Camp) 2 yrs.

3. SPONSOR'S NAME: none
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

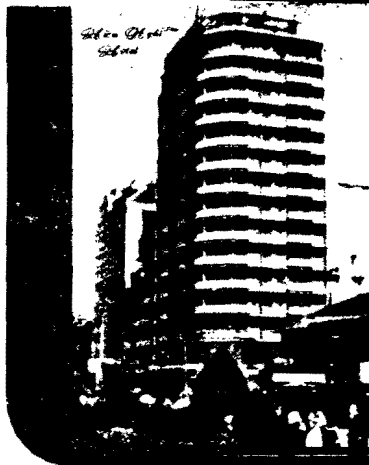
Date Prepared : 9/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Hữu Đức
(Listed on page 1)

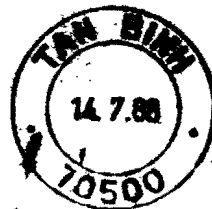
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần Thị Dung	1937	wife
Nguyễn Ngọc Dũng	1960	son
" Thị Thu Hương	1962	daughter
" Thành Quang	1964	son
" Quang Minh	1966	son
" Anh Tuấn	1970	son
" Thị Thu Hà	1971	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



BY AIR MAIL-PAR AVION



TO

KHUC MINH THO

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205 - 0635

USA

TO OPEN CUT HERE

Bến Thành Market VIET NAM



Made by "Liên Hợp" Inc.-Ltd.®

FROM

Nguyễn Văn Đức 220/1/4 Hoàng Văn Thụ P4 TB

Made by "Liên Hợp" Inc.-Ltd.®
TO OPEN CUT HERE

Sài gòn 14-07-1988

Kính gửi bà Kính mến Thờ.

Điều được tên gọi đến chúng tôi xin gửi đến bà Lời chúc sức khỏe chân thành nhất.

Thưa bà, chúng tôi xin kính bầy với bà 1 việc như sau:

Tôi là Nguyễn Hữu Đức nguyên là Trung tá Không Quân chế độ củ VNCH.

Sau khi ra trại tù năm 1978 đến nay tôi đã làm hồ sơ gửi qua Thái Lan nhiều lần nhưng không thấy trả lời.

Năm 1985 được người gửi thiệu tôi có gửi thư cho bà, được bà hướng dẫn, sau đó tôi có gửi toàn bộ hồ sơ cho bà ngày 17-07-1987, đến tháng 2/88 tôi đã nhận được hồi báo của bà viết ngày 20/9/87 :

đã nhận được thư. Rồi từ đó đến nay chúng tôi mong mọi tầng lớp công việc đã đến tiến như thế nào? Vì ở VN chúng tôi chỉ nộp đơn xin xuất cảnh được nếu có giấy phả US chấp thuận.

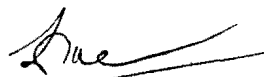
Thưa bà, chúng tôi chẳng còn biết tiếng
nhỏ rào ai vì ở VN và US chúng tôi chẳng
có thân nhân và cũng chẳng quen biết ai.

Chúng tôi chỉ còn biết tiếng chó và đặt
tất cả hy vọng vào sự giúp đỡ của bà.

Xin bà liên hệ giúp chúng tôi với T. Han
và nếu được xin bà gửi cho chúng tôi
giấy thừa của US chấp thuận cho nhập
cảnh. Bởi vì có giấy này thì VN mới
nhận hồ sơ xin xuất cảnh. Ngoài ra
nếu cần bổ túc hồ sơ xin bà thông báo
gấp để chúng tôi kịp tiến hành thủ tục ở VN.

Kèm theo thư này tôi gửi đến bà
thêm 1 đơn xin xuất cảnh và Questionnaire
for ODP applicants.

Cuối thư, chúng tôi xin chân thành
gửi đến bà lời chúc sức khỏe và thành
thật biết ơn của gia đình chúng tôi.



Nguyễn Hữu Đức

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date :

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name : NGUYEN HUU DUC ✓
2. Other names : NONE
3. Date/Place of birth : 22-4-1929 ✓
4. Residence address : 220/1/4 HOANG VAN THU HOCHIMINH CITY VIETNAM ✓
5. Mailing address : - id -

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Name	date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
TRAN THI DUNG.....	1937.....	NAM DINH.....	F.....	M.....	SPOUSE
NGUYEN NGOC DUNG.....	1960.....	SAIGON.....	M.....	S.....	SON...
NGUYEN THI THU HUONG.....	1962.....	SAIGON.....	F.....	S.....	DAUGHTER
NGUYEN THANH QUANG.....	1964.....	SAIGON.....	M.....	S.....	SON...
NGUYEN QUANG MINH.....	1966.....	SAIGON.....	M.....	S.....	SON...
NGUYEN ANH TUAN.....	1970.....	SAIGON.....	M.....	S.....	SON...
NGUYEN THI THU HA.....	1971.....	SAIGON.....	F.....	S.....	DAUGHTER
.....					
.....					

C. RELATIVES OUT SIDE VIETNAM :

1. Closest relative in the USA : NONE
- a/ Name:
- b/ Relationship:
- c/ Address:
2. Closest relative in other Foreign countries :
- a/ Name:
- b/ Relationship:
- c/ Address:

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Death)

Name:

Address:

1. Father: NGUYEN THAP HY (DEATH) NINH BINH VIETNAM
2. Mother: DOI THI HIEN (DEATH) NINH BINH VIETNAM
3. Spouse: TRAN THI DUNG (LIVING) 220/1/4 HOANG VAN THU HOCHIMINH CITY VN
4. Former spouse (if any)

5. Children :

NGUYEN NGOC DUNG.....	220/1/4 HOANG VAN THU HOCHIMINH CITY VIETNAM..
NGUYEN THI THU HUONG.....	- id -
NGUYEN THANH QUANG.....	- id -
NGUYEN QUANG MINH.....	- id -
NGUYEN ANH TUAN.....	- id -
NGUYEN THI THU HA.....	- id -
.....	
.....	

6. Siblings:

.....

.....

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of Person employed 2.....*NONE*.....
2. Date : From: To :
 1/.....
 2/.....
 3/.....
 4/.....
3. Title of (last) Positions held
 1/.....
 2/.....
 3/.....
 4/.....
4. Agency/company/Office :
 1/.....
 2/.....
 3/.....
 4/.....
5. Name of (Last) Supervisor :
 1/.....
 2/.....
 3/.....
 4/.....
6. Reason for leaving:
 1/.....
 2/.....
 3/.....
7. Training for job in Vietnam:

F. ~~ARMED~~ SERVICE WITH G.V.N OR R.V.N.A.P BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving:....*NGUYỄN HỮU DỨC*.....
2. Date: From :...*1954*.... To :...*1975*.....
3. Last rank :..*LIEUTENANT Colonel*
4. Ministry / Office / Military Unit 2...*VNAF HEADQUARTER / C.E. OFFICE*
5. Name of Supervisor /O.O ...*GENERAL. ĐANG DINH LINH*.....
6. Reason for leaving :..*NOT ASSOCIATED WITH LOCAL SITUATION*.....
7. Name of American Adviser (S)..*LT. COLONEL. KALUTA. US AIR FORCE + MAJOR SANTOS*
8. US training courses in Vietnam:..*LOGISTICS. MANAGEMEN. SEMINARY*
*TAN S. N. NHAT. AIR. BASE.*.....
9. US Awards of certificates :..*NONE*.....

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOUR SPOUSE :

01. Name of student / Trainer : ... NGUYEN HUU DUC
02. School and school address : ... NAHA AIR BASE OKINAWA
03. Date : From : OCTOBER 1968. To : ... DECEMBER 1968
04. Description of courses : ... STAFF CIVIL ENGINEERING
05. Who paid for training : ... US AUSPICES

H. REEDUCATION OF YOUR SPOUSE

01. Name of person in Reeducation : ... NGUYEN HUU DUC
02. Total time in Reeducation : ... 9 months 12 Days
03. Still in Reeducation : Yes? NO : ... X

I. ANY ADDITIONAL REMARKS

REQUEST TO BE IMMIGRATED TO USA IN ORDER TO HAVE
A BETTER SPIRITUAL LIVING CONDITION

Signature: See Date: JULY 17, 1987
NGUYEN HUU DUC

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

SAIGON, JULY 17th 1987

APPLICATION FOR IMMIGRATION TO USA

TO THE GENERAL CONSUL OF THE USA EMBASSY IN BANGKOK THAILAND

My name: NGUYỄN HỮU ĐỨC

Former Rank : Lieutenant Colonel / Viet Nam Air Force

Serial number : 49/600115

Time in concentration camp : 02 years 10 months 12 days

Mailing address : NGUYỄN HỮU ĐỨC

220/1/4 Hoàng văn Thụ . Phường 04 TB

Ho Chi Minh city . VIETNAM

Once more , may I have the honor to submit you this new petition about my immigration to USA , since my former petition dated 1981, 1983 , 1986 are not answered.

Actually I must live in a desperate situation both economically and spiritually, although I have been released from concentration camp since April 1978 . My children could not have favorable opportunity for working and living.

In waiting to have your favor , I present you all my thanks .

Relative to accompany me :

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
1. TRẦN THỊ DUNG	1937	Nam Định	F	M	Spouse
2. NGUYỄN NGỌC DŨNG	1960	Sai gon	M	S	Son
3. NGUYỄN THỊ THU NGÜNG	1962	"	F	S	Daughter
4. NGUYỄN THANH QUANG	1964	"	M	S	Son
5. NGUYỄN QUANG MINH	1966	"	M	S	Son
6. NGUYỄN ANH TUẤN	1970	"	M	S	Son
7. NGUYỄN THỊ THU HÀ	1971	"	F	S	Daughter

.....

Respectfully yours

Date : July 17th 1987

Duc
NGUYỄN HỮU ĐỨC

Số: 111/111

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 111/111 ngày 11-1-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN BÌNH 1245-111

Ngày, tháng, năm sinh: 1921

Quê quán: Thị trấn Bình

Trú quán: 220/1/1 Hoàng Văn Thụ, Tân Bình, TP-HCM

Nơi cho về: 220/1/1 Hoàng Văn Thụ, Tân Bình, TP-HCM

Số lần, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 1/600.111 - Trưởng bộ

Trưởng ban quản lý sản xuất của Tân sinh nhất.

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: Phường 1 thuộc Huyện, Quận: Tân Bình Tỉnh, Thành phố: TP-HCM và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: 12 tháng

- Thời hạn đi đường: 1 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: 100.000

Ngày 11 tháng 1 năm 1978

CHỖ CHỮ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ ĐÓNG CHỮ

Đã hình thức ngày 25.4.78



Kiểm tra 6/7/78

Đã hình thức ngày 15.7.78



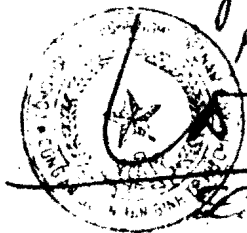
giải 07/78

21/07/78

Số: 129/Đ.3.02/27/4/78
Ủy ban nhân dân có thể trình diện
Mục Tập về

ngày 27/4/78

T/L Công An Quận Tân Minh
phó đội C 51



Tư

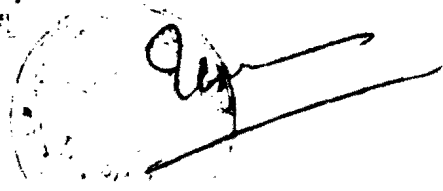
Đã hình thức

Chứng nhận số 116/CM

Anh Nguyễn Cửu Đức có đến
hình thức tại Ủy ban Quận

Huân Quận Tân Bình ngày 27/4/78

TM/Ủy ban Quận Huân



Đã hình thức ngày 15.5.78



Đã hình thức ngày 17/6.78
Ủy ban nhân dân Quận Tân Bình



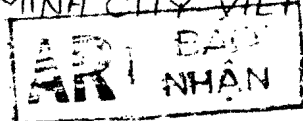
Đã hình thức

FROM: NGUYỄN HỮU ĐỨC

220/1/4 HOÀNG VĂN THỤ

ĐƯỜNG 04 TÂN BÌNH

HỒ CHÍ MINH CITY VIET NAM



AUG 0 1987

Claim Check
No.

466695

☐ Hold

PN

Date

8-6

1ST Notice

2ND Notice

Return

Detached from
PS Form 2848-A,
Oct. 1986

TO: THOKHUC MINH

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

V. 22205 - 0635

U.S. 1



Chị Hằng có duyên ^{8/15}
tôi có duyên thiên
không cho tôi
xem lại h/5
mấy năm chị có.
Mera chị theo

Sài Gòn, Wednesday/June 20th 1990

ĐƠN XIN TRỢ CẤP

Kính gửi: Bà Khắc Minh Thơ.

Chủ tịch Hội Cựu sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa.

Tôi là NGUYỄN - HỮU - ĐỨC sinh ngày 22/04/1929

Nguyên là Trung tá Không quân VNCH

Chủ vụ Trại huấn luyện quân sự tạo tác Tân Sơn Nhất.

Số quân: 49A/600115

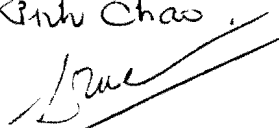
Địa chỉ: 220/1/4 Hoàng Văn Thụ Phường 04

Quận Tân Bình HOCHIMINH City VIETNAM

Hiện tôi đã nộp đơn xin xuất cảnh định cư tại USA theo diện HO và đã được chính phủ Việt Nam nhận hồ sơ. Để công việc tiến triển thuận lợi, cần phải lo dịch vụ xuất cảnh, việc này rất tốn kém. Tôi hiện đã lớn tuổi (61 tuổi), thất nghiệp và bệnh hoạn nên không đủ khả năng.

Tên tôi hoàn cảnh trên, tôi kính mong bà và những thành viên của hội cứu xét và chấp thuận trợ cấp cho tôi về mặt tài chánh để tôi có thể tiếp tục xúc tiến việc xin cấp xuất cảnh tại Việt Nam.

Trong khi chờ đợi, gia đình tôi xin gửi đến quý Hội lời chúc sức khỏe và chân thành Cảm Ơn quý Hội.

Kính chào


Nguyễn Hữu Đức.

Sài Gòn, Wednesday June 20th 1990

Kính gửi bà Khắc minh Thảo.

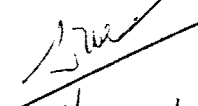
Thưa bà, Tôi là Nguyễn Hữu Đức sinh năm 1929
nguyên là Trung tá Không quân chế độ trước:
Việt Nam Cộng hòa, Chức vụ: Trưởng khu quân sự
tạo tác Tân Sơn Nhất thuộc Không quân Việt Nam.

Trước đây, tôi có gửi đến bà hồ sơ xin
định cư tại USA nhờ bà giúp đỡ (17/07/1987) và
tôi đã nhận được thư phúc đáp của bà viết ngày
20/08/1987. Tôi thật vô cùng cảm động và chân
thành cảm ơn bà. Tôi được biết có một số người
thuộc diện HO đã được chính phủ Mỹ Cấp giấy
giới thiệu nhập cảnh (L.O.I), nhưng tôi thì
không, mặc dù tôi cũng đã gửi hồ sơ qua Thailand
và không có trả lời. Nay tôi xin làm phiền bà 1 lần
nữa, mong bà giúp đỡ, và xin gởi L.O.I.

Hiện nay, Chính phủ Việt Nam đã nhận đơn
xin xuất cảnh của tôi, và để tiến triển thuận lợi
cần phải lo dịch vụ xuất cảnh. Việc này khá
tốn kém, và như bà biết, tôi tiền thất nghiệp,
cao tuổi (61 tuổi) nên không đủ khả năng. Hơn
nữa lại bị bệnh Cao huyết áp, nằm viện nhiều lần
thuốc thang rất tốn kém.

Trước hoàn cảnh trên, tôi kính mong bà tìm
mọi phương cách giúp đỡ tôi về mặt tài chánh
để có thể xúc tiến dịch vụ xin xuất cảnh
tại Việt Nam. Tôi xin chân thành cảm ơn bà và
xin chúc sức khỏe bà & mọi điều tốt lành nhất.

Kính chào bà,


Nguyễn Hữu Đức.

CÔNG AN
Thành phố HỒ CHÍ MINH

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Phòng Quản Lý X.N.C

GIẤY MỜI

Ngày: 05/04/90

Người nhận:

Cư ngụ:

Nguyen Huu Luoc
220/1/14 Hoang Van Thuy, P.9.
TB.

Đến Phòng Quản lý Xuất Nhập Cảnh, số 161 đường
Nguyễn Du, Quận I TP. Hồ Chí Minh vào lúc 8 giờ
ngày 12 tháng 04 năm 1990

Về việc:

Cửa Cảnh

(Đem theo thẻ Căn cước hoặc giấy Chứng minh nhân dân)

Gặp Đội:

P. Trưởng Phòng

S. Hiep

Truong Phong

Trưởng Phòng Quản Lý X.N.C

94/8
BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: _____

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số _____ ngày _____ của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: _____

Ngày, tháng, năm sinh: _____

Quê quán: _____

Trú quán: _____

Nơi cho về: _____

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các

tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ _____

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã,

Phường: _____ thuộc Huyện,

Quận: _____ Tỉnh, Thành phố: _____

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: _____

- Thời hạn đi đường: _____ ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: _____

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Thư ký: _____

Ngày _____ tháng _____ năm 1977

CCAT 700.



ĐẠI THỦ LĨNH

VĂN BẢN

Date: 20/06/1990.....

APPLICATION FOR IMMIGRATION TO USA
TO THE GENERAL CONSUL OF THE USA EMBASSY IN BANGKOK THAILAND

My name: NGUYEN HUU DUC.....

Former: rank : LIEUTENANT COLONEL 9 VN AIR FORCE.

Serial number: 49A / 690115

Mailing address : 220/1/4 HOANG VAN THU.....

PA TAN BINH HOCHIMINH CITY..

.....VIETNAM.....

Once more, may I have the honor to submit you this new petition about my immigration to USA, since my former petitions date 1981, 1983, 1986, 1987, 1989 are not answered.

Actually I must live in a desperate situation both economically and spiritually, although I have been released from reeducation camp since April 1978.

My children could not have favorable opportunity for working and living.

In waiting to have your favor, I present you all my thanks.

RELATIVE TO ABOVE FAMILY :

NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	RELATIONSHIP
① TRAN THI DUNG.....	1937.....	NAM DINH.....	F.....	M..... SPOUSE.....
② NGUYEN NGOC DUNG... ..	1960.....	SAIGON.....	M.....	S..... SON.....
③ NGUYEN THI THU HONG... ..	1962.....	SAIGON.....	F.....	S..... DAUGHTER.....
④ NGUYEN THANH QUANG... ..	1964.....	SAIGON.....	M.....	S..... SON.....
⑤ NGUYEN QUANG MINH... ..	1966.....	SAIGON.....	M.....	S..... SON.....
⑥ NGUYEN ANH TUAN... ..	1970.....	SAIGON.....	M.....	S..... SON.....
⑦ NGUYEN THI THU HA... ..	1971.....	SAIGON.....	F.....	S..... DAUGHTER.....

In case of receipt and approval,

Please give us an answer and a letter of introduction.

Respectfully your.

ENCLOSURE :

1. PHOTOGRAPH OF MY VISA TO OKINAWA IN 1968 FOR TEN WEEK TRAINING AT NANA AIR BASE.

2. MY PHOTOGRAPH TAKEN IN 1968 AT OKINAWA CITY DURING OUR TRAINING TIME.

3. PHOTOGRAPH OF CERTIFICATE OF RELEASE FROM REEDUCATION CAMP.

4. PHOTOGRAPHS OF MARRIAGE, BIRTH CERTIFICATE.

(1, 2, 3, 4 were sent to THAILAND in 16/07/1990)

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date: 20-06-1990.....

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

01. Name: NGUYEN HUU DUC.....
 02. Other names :.....NONE.....
 03. Date/Place of birth : 22-07-1929... NINH BINH.....
 04. Residence address : 220/1/4 HOANG VAN THU P4 TB HOCHIMINH CITY
 05. Mailing address : 220/1/4 HOANG VAN THU P4 TB HOCHIMINH CITY
 VIET NAM

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION SHIP
TRAN THI DUNG.....	1937.....	NAM DINH.....	F.....	M.....	SPOUSE.....
NGUYEN NGOC DUNG.....	1960.....	SAIGON.....	M.....	S.....	SON.....
NGUYEN THI THU HONG.....	1960.....	SAIGON.....	F.....	S.....	DAUGHTER.....
NGUYEN THANH QUANG.....	1964.....	SAIGON.....	M.....	S.....	SON.....
NGUYEN QUANG MINH.....	1966.....	SAIGON.....	M.....	S.....	SON.....
NGUYEN ANH TUAN.....	1970.....	SAIGON.....	M.....	S.....	SON.....
NGUYEN THI THU HA.....	1971.....	SAIGON.....	F.....	S.....	DAUGHTER.....

C. RELATIVES OUT SIDE VIETNAM

01. Closest relative in the USA :.....

a/Name: NGUYEN THI TRUONG

b/Relation ship : COUSIN.

c/Address :

USA.

02. Closest relative in other foreign countries:

a/Name:.....NONE.....

b/Relative ship :.....

c/Address :.....

D. COMPLETE FAMILY LISTING

Name: NGUYEN HUU DUC.....

Address: 220/1/4 HOANG VAN THU P4 TB HOCHIMINH CITY VIETNAM

01. Father : NGUYEN THAP HY..(DEAD)

02. Mother : DAI THI HIEN....(DEAD)

03. Spouse :...TRAN THI DUNG..(LIVING)

04. Former spouse:...../.....

05. Children :

.NGUYEN NGOC DUNG 1960 (LIVING).....
.NGUYEN THI THU HONG 1962 (LIVING).....
.NGUYEN THANH QUANG 1964 (LIVING).....
.NGUYEN QUANG MINH 1966 (LIVING).....
.NGUYEN ANH TUAN 1970 (LIVING).....
.NGUYEN THI THU HA 1971 (LIVING).....

06. Siblings :

.....
.....
.....
.....

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS
OF YOU OR YOUR SPOUSE

01. Name of person employed :

02. Date: From.....To.....

F. SERVICE WITH G.V.N. OR R.V.N.A.F. BY YOU OR SPOUSE

01. Name of person serving: ..NGUYEN HUU DUC.....

02. Date: From.....1955..... To.....1975.....

03. Last rank: LIEUTENANT COLONEL...VN. AIR FORCE.....

04. Ministry/Office/Military unit: CHIEF OF TAN SON NHAT POST CIVIL
ENGINEER

05. Name of supervisor/CO : GENERAL DANG DINH LINH CHIEF OF VNAF LOGISTICS

06. Reason for leaving: ...NOT ASSOCIATED WITH LOCAL SITUATION...

07. Name of American advisor: LT COLONEL KALUTA., MAJOR SANTOS

08. US training courses in Vietnam: LOGISTICS MANAGEMENT SEMINARY

09. US Awards of certificates: (lost) TAN SON NHAT AIR BASE

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE :

01. Name of student / trainee : ..NGUYEN HUU DUC.....
02. School and school address : NAHA AIR BASE, OKINAWA, JAPAN. (US AIR FORCE)
03. Date : From: ...OCT. 1968..... To : ...DEC. 1968.....
04. Description of courses : STAFF CIVIL ENGINEERING.....
05. Who paid for training :U.S. AUSPICES.....
....(CERTIFICATE LOST DURING THE 1975 EVENT).....
.....

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

01. Name of person in reeducation: ..NGUYEN HUU DUC.....
02. Total time in reeducation : From: ...05/1975.... To: ...04/1978....
Total time close surveillance : From: 02/1978 To 07/1979
03. Still in reeducation : Yes:..... No: ...X.....

I. ANY ADDITIONAL REMARKS :

REQUEST TO BE IMMIGRATED TO USA IN ORDER TO HAVE A
BETTER SPIRITUAL LIVING CONDITION :

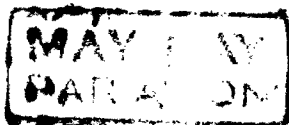
J. PLEASE ATTACH HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE .

Date: ..20 - 06 - 1990...

Signature .

Duc

FROM: NGUYEN HUU DIEU
220/1/4 HOANG VAN THU
P4 TAN BINH HO CHI MINH CITY
VIET NAM



JUL 05 1990



TO: KHUC MINH THO
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635
USA

PAR AVION, VIA AIR MAIL.

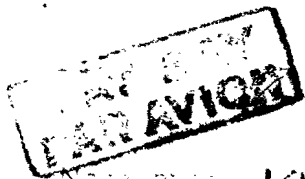
Count 9
7/20

A hódolat
 J. J. J.
 16/8

NEELY EN. MAY. 24/12
L. Colonel & As

PAR AVION

Nguyễn Văn Đức
220/1/4 Hoàng Văn Thụ
Quận 4 Tân Bình
Việt Nam



KHUOC-MINH-THO
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205.0635
U.S.A.



1983

VIETNAM POST
HANOI

thư
8.12.86

Sài gòn, ngày 01 tháng 07 năm 1986

Kính gửi anh Thơ.

- Tôi viết thư này gửi đến anh để mong anh
Lam ơn giúp đỡ tôi 1 việc nhỏ. Thành thật
cảm ơn anh nhiều.

Tôi được biết anh nhớ một người bạn của
bà xã tôi quá nhiều. Tưởng hợp của tôi và
của anh ấy đến như nhau và hiện nay anh ấy
đã có giấy chấp thuận. Riêng tôi sau khi
được trả tự do về từ năm 1978 tôi được
ban bè hướng dẫn gửi hồ sơ đến Thailand.
Thì tôi đã gửi 3 lần nhưng chẳng thấy
trả lời, không biết thư có đến không?
Mới đây, vào tháng 4/86 tôi lại gửi tiếp
nhưng đến nay cũng bất tín.

Anh ấy có mạch chỉ tôi liên lạc thư
qua anh xem Sao? Thế nên nếu anh có
nhận được, mong anh liên lạc Thailand
và báo về để tôi biết rõ. Nếu thiếu
hồ sơ, hoặc sai cách thức, hoặc vì lý

do qđ đó thì mong anh chỉ dẫn giúp.
Hô là tôi đã gửi qđm:

- The questionnaire for one applicants.
- Giấy khai trại
- Hôn thú
- Khai sinh các con.

Địa chỉ liên lạc của tôi:

Nguyễn Văn Đức.
Last rank: Lieutenant Colonel
Vietnam Air Force.

Serial: 49A/600.115

Chức vụ: Trưởng khu quân Sản tạo tác Tân Sơn Nhất

Thư về:

220/1/4 Hoàng Văn Thụ

Phước 04 Tân Bình

Hoch Minh City Việt Nam

Xin đừng lo, mong anh giúp đỡ, thành
thật cảm ơn anh và mong tin.

Đức
Nguyễn Văn Đức.